

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày 04/11/2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh.

Ông Trần Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 04/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 72/2019/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXX-ST ngày 21/10/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

*** Bị đơn:** Anh Phùng Xuân T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang cư trú tại nước ngoài không rõ địa chỉ.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của anh Phùng Xuân T:**
Ông Phùng Xuân Th, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 05/5/2019 nguyên đơn là chị Đặng Thị Q trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Vợ chồng tôi đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 01/9/2006 tại UBND xã T, huyện G. Sau đó ở cùng và sống chung với bố mẹ chồng đến năm 2010 tại xã T, huyện G. Được sự chấp nhận của chồng và gia đình nhà chồng vào tháng 4/2010 tôi đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian tôi đi lao động tại nước ngoài tôi vẫn thường xuyên gọi điện về hỏi thăm gia đình bên chồng đồng thời gửi toàn bộ số tiền tôi kiếm được trong 4 năm về cho gia đình chồng xây nhà và phát triển kinh tế. Đến tháng 7/2014 do hết hợp đồng lao động tôi về nước, khi ấy hoàn cảnh gia đình vẫn còn khó khăn nên tôi quyết định xin chồng và gia đình nhà chồng cho tôi đi Macao xuất khẩu lao động thêm 2 năm nữa. Lúc này khi tôi vừa đi không lâu thì chồng tôi có mối quan hệ bất chính và qua lại với một người phụ nữ khác. Bản thân tôi và chồng từ đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã không thể hòa hợp được. Kể từ năm 2016 đến nay vợ chồng tôi sống ly thân. Xét thấy không thể hòa hợp và cứu vãn được hôn nhân, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phùng Xuân T.

- Về con chung: Chị Đặng Thị Q và anh Phùng Xuân T có 01 con chung là cháu Phùng Đặng Phương C. Hiện nay cháu đang ở cùng bố và ông bà nội. Việc cháu ở với bố hay mẹ do cháu tự quyết định. Nếu cháu ở với tôi thì tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Toàn bộ số tiền chị Q gửi về làm nhà khi đi xuất khẩu lao động chị để lại cho con gái và không lấy lại.

- Về công nợ chung: Chị Đ Thị Q và anh Phùng Xuân T không có công nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Bị đơn là anh Phùng Xuân T hiện đang cư trú tại Hồng Kông có quan điểm trình bày:* Tôi đã chấp nhận đơn khởi kiện do chị Q gửi cho tôi và tôi đã nhận được thông báo thụ lý số 72/2019/TBTL-HNGĐ ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang thông báo cho tôi được biết yêu cầu khởi kiện của chị Q, tôi xin trình bày như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Tôi kết hôn với chị Q có trên cơ sở có sự tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn vào tháng 9/2006 tại UBND xã T. Quá trình chung sống thời gian đầu có hòa thuận. nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn trong quá trình sống và thời điểm vợ tôi đi nước ngoài lao động. Thời gian từ đó đến nay chúng tôi ly thân khoảng 6 năm. Những mâu thuẫn đó cho đến nay chúng tôi không thể hòa giải

và khắc phục được. Nên cũng không còn tình cảm hàn gắn tiếp tục chung sống được. Vì vậy tôi và vợ tôi thuận tình quyết định ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Phùng Đăng Phương C sinh ngày 06/9/2007. Hiện nay cháu đang được ông bà nội chăm sóc. Về chu cấp nuôi con thì tôi cũng không bắt buộc gì mà là sự tự nguyện của đôi bên. Điều kiện của tôi và gia đình tôi thì hoàn toàn đủ khả năng nuôi cháu đến khi trưởng thành. Nhưng do tôi đang lao động ở nước ngoài không ở nhà mà mẹ cháu ở nhà, tôi tạm thời giao cho vợ tôi nuôi và chăm sóc cháu, sau này tôi về nước sẽ giải quyết lại việc nuôi con.

- Về tài sản: Do thời gian chung sống không dài vợ chồng chúng tôi không có tài sản chung và cũng chưa xây dựng được gì nên vấn đề ngày chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các khoản nợ thì vợ chồng chúng tôi không nợ ai và mọi người không nợ chúng tôi. Vì vậy không có tranh chấp gì về tài sản nên vợ chồng chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề này.

Do không sắp xếp được công việc riêng và hiện nay tôi đang đi làm ăn xa nên tôi không thể tham gia các buổi làm việc lấy lời khai tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các phiên tòa của Tòa án được. Tôi xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc lấy lời khai tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải các phiên tòa xét xử của Tòa án. Tôi giữ nguyên quan điểm như tôi đã trình bày tại bản tự khai và không bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng và bản án cho bố tôi là Phùng Xuân Th, sinh năm 1963, địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Giang để bố tôi nhận và thông báo cho tôi được biết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đặng Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Phùng Xuân T. Chị Q tự nguyện xin chịu cả chi phí giám định. Anh Phùng Xuân T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố quan điểm của anh Phùng Xuân T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX (sau đây viết tắt là HĐXX) giải quyết cho chị Đặng Thị Q được ly hôn anh Phùng Xuân T. Về con chung: Giao con

chung là cháu cháu Phùng Đăng Phương C, sinh ngày 06/9/2007 cho chị Q nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Tài sản chung, công nợ chị Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị Đăng Thị Q phải chịu án phí theo quy định. Chấp nhận sự tự nguyện chịu chi phí giám định của chị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đăng Thị Q là công dân Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn anh Phùng Xuân T và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung. Bị đơn là anh Phùng Xuân T có hộ khẩu thường trú tại Thôn C, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang cư trú tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Theo xác nhận của bố đẻ anh Phùng Xuân T là ông Phùng Xuân Th thì hiện nay anh T đã vượt biên sang Hồng Kông làm việc từ tháng 7/2018, ông Th cũng không rõ địa chỉ của anh T ở đâu. Anh T, chị Q có tài liệu cung cấp anh T đang ở Hồng Kông nhưng không có địa chỉ cụ thể. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: Mặc dù Cục xuất nhập cảnh Bộ Công an có văn bản số 8309/QLXNC-P5 ngày 24/5/2019 cung cấp anh Phùng Xuân T ngày 07/6/2018 anh T nhập cảnh về Việt Nam và không có thông tin xuất cảnh ra nước ngoài. Tuy nhiên do tính chất vụ án phức tạp, có tài liệu khác xác định bị đơn đang cư trú tại nước ngoài nên TAND tỉnh Bắc Giang không chuyển đơn khởi kiện về TAND cấp huyện thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm mà quyết định giữ lại đơn khởi kiện và thụ lý vụ án để giải quyết quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1 và khoản 2, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu đứng tên anh Phùng Xuân T, HĐXX thấy:

[2.1]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng về gia đình anh Phùng Xuân T. Anh Phùng Xuân T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và có bản tự khai, đơn xin xét xử vắng thể hiện quan điểm gửi từ nước ngoài về cho bố mẹ anh T để cung cấp cho Tòa án. Do văn bản của anh Phùng Xuân T gửi về không có xác nhận của cơ quan ngoại giao tại nước ngoài nên chị

Đặng Thị Q có đơn đề nghị giám định chữ viết, dấu vân tay của anh Phùng Xuân T trên tài liệu gửi về Tòa án. Tòa án đã được gia đình anh T cung cấp bức thư anh T gửi cho gia đình để làm mẫu so sánh. Tòa án cũng thu thập dấu vân tay của anh Phùng Xuân T khi làm chứng minh nhân dân tại Công an tỉnh Bắc Giang để làm mẫu so sánh phục vụ công tác giám định.

[2.2]. Sau khi thu thập tài liệu, Tòa án đã có quyết định trưng cầu giám định số 05/2019/QĐ-TCGD ngày 30/9/2019. Tại kết luận giám định số 1598/KLGD-KTHS ngày 11/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang thể hiện:

- Chữ ký, chữ viết “Phùng Xuân T” dưới mục “Người viết bản tự khai”, “Người làm đơn” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với so với chữ ký, chữ viết của Phùng Xuân T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

- Dấu vân tay in (bằng mực màu đỏ) dưới mục “Ngón trỏ trái” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với dấu vân ở ô “Ngón trỏ trái” của Phùng Xuân T trên tài liệu mẫu ký hiệu M3 là của cùng một người.

[2.3]. Từ những nội dung trên, HĐXX xét thấy mặc dù văn bản, tài liệu của anh Phùng Xuân T gửi từ nước ngoài về không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng có đủ căn cứ để khẳng định các văn bản, tài liệu thể hiện quan điểm giải quyết vụ án là đúng của anh Phùng Xuân T. HĐXX chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để giải quyết vụ án.

[3]. Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Phùng Xuân T đã có bản tự khai trình bày về vụ việc và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy việc vắng mặt của anh Phùng Xuân T, chị Đặng Thị Q không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Phùng Xuân T, chị Đặng Thị Q.

[4]. Về quan hệ vợ chồng:

[4.1]. Chị Đặng Thị Q và anh Phùng Xuân T kết hôn trên cơ sở tự do, tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/9/2006 tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Bắc Giang, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị Q và anh Phùng Xuân T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng đến năm 2010 tại xã T, huyện G. Được sự chấp nhận của chồng và gia đình nhà chồng vào tháng 4/2010 chị Q đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian đi lao động tại nước ngoài chị Q vẫn thường xuyên gọi điện về hỏi thăm gia đình bên chồng, đồng thời gửi toàn bộ số tiền kiếm được trong 4 năm về cho gia đình chồng xây nhà và phát

triển kinh tế. Đến tháng 7/2014 do hết hợp đồng lao động chị Q về nước, khi ấy hoàn cảnh gia đình vẫn còn khó khăn nên chị quyết định xin chồng và gia đình nhà chồng cho chị đi Macao xuất khẩu lao động thêm 2 năm nữa. Lúc này khi chị vừa đi không lâu thì Anh T có mối quan hệ bất chính và qua lại với một người phụ nữ khác. Vợ chồng từ đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã không thể hòa hợp được. Kể từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị Đặng Thị Q xin được ly hôn, anh Phùng Xuân T đồng ý.

[4.2]. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đặng Thị Q và anh Phùng Xuân T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Đặng Thị Q được ly hôn anh Phùng Xuân T.

[5]. Về con chung:

[5.1]. Chị Đặng Thị Q và anh Phùng Xuân T có 01 con chung là cháu Phùng Đặng Phương C, sinh ngày 06/9/2007. Hiện nay cháu đang được ông bà nội chăm sóc. Khi ly hôn chị Q đồng ý giải quyết nuôi con theo nguyện vọng của con chung. Quá trình giải quyết cháu Phùng Đặng Phương C có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố và ông bà nội.

[5.2]. HĐXX thấy: Mặc dù con chung muốn ở với bố nhưng anh T không có mặt tại địa phương, không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung được. Mặt khác anh T có quan điểm anh đang ở nước ngoài, chị Q đang ở nhà nên đề nghị tạm giao con chung cho chị Q nuôi, sau này anh về nước sẽ giải quyết lại việc nuôi con. HĐXX thấy quan điểm của anh T là có căn cứ và phù hợp. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cần giao cháu Phùng Đặng Phương C, sinh ngày 06/9/2007 cho chị Đặng Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81- Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị Q không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5.3]. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp anh Phùng Xuân T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6]. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Đặng Thị Q và anh Phùng Xuân T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7]. Về chi phí tố tụng:

[7.1]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Đặng Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7.2]. Về chi phí giám định: chị Đặng Thị Q tự nguyện chịu cả 3.240.000 đồng chi phí giám định, cần được chấp nhận.

[8]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, khoản 2, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 161; Điều 162; khoản 1, Điều 227; khoản 1, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, Điều 474; điểm a, khoản 5, Điều 477; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Q được ly hôn anh Phùng Xuân T .

2. Về con chung: Giao con chung là Phùng Đặng Phương C, sinh ngày 06/9/2007 cho chị Đặng Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chung do chị Q không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp anh Phùng Xuân T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chi phí tố tụng:

- Về án phí: Chị Đặng Thị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000339 ngày 11/6/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Đặng Thị Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí giám định: Chị Đặng Thị Q chịu 3.240.000 đồng chi phí giám định, xác nhận chị Q đã nộp và chi phí số tiền 3.240.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Phùng Xuân T hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Đặng Thị Q cư trú tại Việt Nam, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã T, huyện G
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng